

10/01/2023

BIÊN BẢN NHẬN HÀNG PO-139065

Khách hàng: **VIN-919 VINCOMMERCE - VINMART CROSS DOCKING**

Nhà cung cấp: **2003606 NGOC THOM-C**

Loại hàng: **HÀNG MÁT**

Nhiệt độ yêu cầu:

Giờ xe đến:

Loại xe giao hàng:

Số xe:

Giờ nhận hàng:

Giờ kết thúc:

Nhiệt độ trong xe ngay khi mở cửa xe:

°C

Nhiệt độ kiện hàng ngẫu nhiên:

°C

Nếu nhiệt độ kiện hàng không đạt yêu cầu thì SCS chỉ nhận hàng, nhà cung cấp hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu hư hỏng xảy ra trong quá trình vận chuyển:

Đồng ý ☐ Không đồng ý ☐

Tình trạng kiện hàng: Thùng rách ☐ Hư hỏng ☐ Mùi hôi ☐ Bẩn ☐ Móp méo ☐ Ướt, chảy nước ☐

Mã hàng	Tên hàng	Mã kho	Tên kho	Số SO	Nhận hàng thực tế				Ghi chú
					Net(kgs)	Gross	Thùng	Khay2.5	
22	CROSS DOCKING - C	4224	VŨNG TÀU-1481 Đ	4145758489	7.5	7.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	5127	BẾN TRE- 63/2 Pha	4145875443	5.5	5.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	5126	VŨNG TÀU-159 Lê	4145891460	6.9	6.9	1		
22	CROSS DOCKING - C	5123	VŨNG TÀU- 33A đư	4145893959	11.0	11.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	4868	KIÊN GIANG- 14 Tr	4145889973	18.0	18.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	4819	KIÊN GIANG- 07-07	4145895446	4.0	4.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	4818	KIÊN GIANG- 784 đ	4145895238	6.9	6.9	1		
22	CROSS DOCKING - C	4694	AN GIANG- 493/26	4145882518	4.8	4.8	1		
22	CROSS DOCKING - C	4630	AN GIANG- TDS 47,	4145902741	4.0	4.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	4606	AN GIANG- TDS 70-	4145890695	2.4	2.4	1		
22	CROSS DOCKING - C	4576	AN GIANG- AGG 01	4145893155	2.5	2.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	4572	AN GIANG- 77 Ung	4145890873	4.4	4.4	1		
22	CROSS DOCKING - C	4501	CẦN THƠ-13-15 Xu	4145863133	5.1	5.1	1		
22	CROSS DOCKING - C	4346	NHA TRANG-KHA 2	4145879190	8.0	8.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3165	CẦN THƠ- 9 TRẦN	4145882978	3.0	3.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3490	CẦN THƠ-DINH TIẾ	4145804431	2.0	2.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3234	NHA TRANG- 124B	4145890368	24.5	24.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	3331	Vũng Tàu-602 Trư	4145888160	8.0	8.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3359	Vũng Tàu-72A.B Vồ	4145899532	10.0	10.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3376	VŨNG TÀU- 192-19	4145889329	24.0	24.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3397	Vũng Tàu- 921 Bình	4145838171	20.7	20.7	1		
22	CROSS DOCKING - C	4314	CẦN THƠ-83-85 Ng	4145820148	11.8	11.8	1		
22	CROSS DOCKING - C	3424	VŨNG TÀU- 410- 41	4145890995	26.0	26.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	4278	CẦN THƠ-163H-16	4145894460	4.0	4.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3551	CẦN THƠ-VO VAN	4145889337	8.0	8.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3695	VŨNG TÀU 11-11A	4145857410	15.5	15.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	3788	VŨNG TÀU-209 Ng	4145776173	9.6	9.6	1		
22	CROSS DOCKING - C	3902	CẦN THƠ-Thừa 12	4145882604	12.0	12.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	3947	VŨNG TÀU - 9 NGU	4145781502	12.0	12.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	5243	TRÀ VINH- 214 Lê L	4145801373	2.4	2.4	1		
22	CROSS DOCKING - C	3409	VŨNG TÀU-152A X	4145889772	7.8	7.8	1		
22	CROSS DOCKING - C	6593	VŨNG TÀU- 221 Tr	4145739821	7.5	7.5	1		
22	CROSS DOCKING - C	5130	KIÊN GIANG- Lô L7	4145781838	6.7	6.7	1		
22	CROSS DOCKING - C	6404	VŨNG TÀU-171 Ng	4145883133	16.0	16.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6406	VŨNG TÀU-31/3 Ấp	4145884763	12.0	12.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6427	VŨNG TÀU- LK8-16	4145902722	10.6	10.6	1		
22	CROSS DOCKING - C	6483	AN GIANG-Thừa 40	4145889846	2.4	2.4	1		
22	CROSS DOCKING - C	6250	CẦN THƠ- 51D1 Đ	4145797990	5.0	5.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6535	VŨNG TÀU- T33 Tổ	4145884577	10.2	10.2	1		
22	CROSS DOCKING - C	6246	AN GIANG- 210 Thụ	4145889456	2.9	2.9	1		
22	CROSS DOCKING - C	6607	KIÊN GIANG- 24 Ma	4145879391	9.0	9.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6616	AN GIANG- 581 Đư	4145799093	4.0	4.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6652	VŨNG TÀU-172A Tr	4145877272	15.0	15.0	1		
22	CROSS DOCKING - C	6655	AN GIANG-108 Trư	4145883958	1.8	1.8	1		

22	CROSS DOCKING - C	6661	BÌNH ĐỊNH- 251 Ho	4145889257	8.0	8.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6719	NHA TRANG-34 Hồ	4145806304	11.0	11.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6515	AN GIANG-140+142	4145887908	2.7	2.7	1
22	CROSS DOCKING - C	5833	VŨNG TÀU- 41 Hai	4145676483	14.5	14.5	1
22	CROSS DOCKING - C	6932	VŨNG TÀU-238 Đư	4145839207	20.7	20.7	1
22	CROSS DOCKING - C	5391	VŨNG TÀU- Tổ 3, Ấ	4145807217	15.0	15.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5476	CÀ MAU-127 Nguyễ	4145806217	3.0	3.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5494	VŨNG TÀU- Đất trố	4145881852	11.0	11.0	1
22	CROSS DOCKING - C	5531	LONG AN- TĐ 83(1	4145811377	7.7	7.7	1
22	CROSS DOCKING - C	6354	KIẾN GIANG- 250 L	4145789619	4.2	4.2	1
22	CROSS DOCKING - C	5795	LONG AN- 236A-23	4145714239	2.9	2.9	1
22	CROSS DOCKING - C	5237	CÀ MAU- 168 Lý Th	4145882947	4.8	4.8	1
22	CROSS DOCKING - C	5839	VŨNG TÀU- 55 Võ	4145720504	3.0	3.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6005	NHA TRANG-Căn s	4145805006	9.0	9.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6059	VM+ CTO 56 Nguyễ	4145888996	4.8	4.8	1
22	CROSS DOCKING - C	6134	VŨNG TÀU- 928 Ph	4145893158	10.0	10.0	1
22	CROSS DOCKING - C	6150	AN GIANG- 1 Nguyễ	4145883476	1.5	1.5	1
22	CROSS DOCKING - C	6191	VŨNG TÀU- 234 Ng	4145839885	8.5	8.5	1
22	CROSS DOCKING - C	5789	LONG AN- 1B Trần	4145829139	4.0	4.0	1
TOTAL:					541.70	541.70	63
GRAND TOTAL:					541.70	541.70	63

SCSVN

Lưu ý: Từ ngày 14/12/2016, nhà cung cấp phải niêm phong thùng hàng khi gửi tới kho lạnh Swire

Nhà cung cấp/ NVC

(Kí, ghi rõ họ tên và số điện thoại)
Tất cả các thùng hàng đã được kiểm tra niêm phong



Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Phạm Lê Ngọc Trúc



Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information) Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce TTTM Vincom Plaza Kiên Giang, Lô A12, Đường Cô Bắc, Khu Phố 1, Phường Vĩnh Bảo, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam MST: 0104918404-057 Địa chỉ giao hàng (Delivery Address) 4818-WM+ KGG Lô số F14-30, đường 3/2 Lô số F14-30, đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, T. Kiên Giang Việt Nam 2471066866-48181	Thông tin đơn hàng (Information) Số đơn hàng (PO No.) 4145895238 Ngày đặt hàng (PO date) 08.01.2023 Nhóm đặt hàng (Purchaser) 002 - Giao hàng qua DC Người đặt hàng (Purchaser) Phạm Lê Ngọc Trúc Số điện thoại 0919936653 Email 4818@winmart.masangroup.com Ngày giao (Delivery Date) 15.01.2023 Ghi chú
Nhà cung cấp (Supplier): 0002003606 CTY TNHH MTV TMDV NGỌC THƠM 12/14/18 đường 49, Khu phố 7, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức,	

Stt (No.)	Tên hàng (Item Description)	Mã vạch (Barcode)	Số lượng (Quantity)	ĐVT (Unit)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (VND) (Amount)
10	10005981 THU HẰNG Bắp bò muối gói 200g	8938508668137	5	G1	87,787	438,935
20	10005984 THU HẰNG Chân giò heo muối gói 300g	8938508668014	5	G1	62,416	312,080
30	10005986 THU HẰNG Gà muối gói 500g	8938508668212	7	G1	111,058	777,406
40	10005987 THU HẰNG Tai heo muối gói 200g	8938508668328	2	G1	55,595	111,190
50	10638307 THU HẰNG Giò tai lười xào gói 250g	8938529045030	2	G1	40,146	80,292
Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount)						1,719,903
- 5% (VAT)						0
- 8% (VAT)						0
- 10% (VAT)						171,990.3
- 15% (VAT)						0
Thuế GTGT (VAT Amount)						171,990.3
Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)						1,891,893.3

Người lập đơn hàng
(Created By)Quản lý ngành hàng
(Department Manager)Quản lý siêu thị
(Store Manager)Giám đốc cấp 2
(Regional Director)